

Bản án số: 49/2023/DS-ST

Ngày: 02 - 10 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Đẩu

2. Ông Phan Thế Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Hội – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Thành phố Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 146/2023/TLST – DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST – DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST – DS ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1949; Trú tại: P1102 nhà B, chung cư C, Q, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0913xxxxxxx - có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1972; Trú tại: Căn hộ 24, tầng 11, nhà A, chung cư B, khối 2, phường Q, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0917xxxxxxx - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc C trình bày: Ông có quen biết bà Nguyễn Thị K. Do bà Nguyễn Thị K cần tiền giải quyết công việc làm ăn, nên ngày 27/11/2021, tại nhà của ông ở khối 15, phường Quang Trung, thành phố Vinh, bà Nguyễn Thị K có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 30 ngày (từ ngày 27/11/2021 đến 27/12/2021); Hai bên có thỏa thuận trả tiền lãi nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu. Khi vay tiền, hai bên có lập Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 27/11/2021 và bà K

đã ký, điểm chỉ dấu vân tay vào hợp đồng. Bà K đã để lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU xxxxxx ngày 28/8/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp cho bà Nguyễn Thị K cho ông để đảm bảo khoản vay. Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thể hiện bà Nguyễn Thị K là chủ sở hữu căn hộ số 24, tầng 11, Nhà chung cư A, diện tích 45m², thuộc dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp B. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ bà K đã không chịu thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho ông.

Tiếp đến ngày 04/01/2022, bà Nguyễn Thị K đặt vấn đề vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Do nể quen biết nên ông tiếp tục cho bà K vay số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Khi vay bà K có viết và ký vào giấy vay tiền với số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tại giấy vay tiền mà bà K đã viết vào ngày 04/01/2022, bà K không ghi rõ thời gian trả cũng như lãi suất trả. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận bằng miệng bà K hẹn sau 1 tháng, tức là ngày 04/02/2022 sẽ trả hết tổng số tiền nợ gốc cho ông cho cả hai đợt vay là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Nguyễn Thị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu bà K trả nợ nhưng bà K cố tình trốn tránh cố tình chây ỳ không chịu trả nợ cho ông.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, khoảng tháng 10 năm 2022 ông có gửi đơn khởi kiện ra Tòa án để đòi lại khoản tiền cho vay trên. Quá trình giải quyết tại Trung tâm hòa giải đối thoại của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, ông đã nhân nhượng và tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị K trả nợ. Hai bên đã thống nhất thỏa thuận được Hòa giải viên bà Lê Thị Thu Hà lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành ngày 23/11/2022 với nội dung thỏa thuận như sau:

- Bà Nguyễn Thị K xác nhận còn nợ ông 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc.

- Kể từ tháng 12/2022 trở đi, một tháng bà Nguyễn Thị K trả cho ông số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền lãi, tổng số tiền bà K trả cho ông hàng tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). (Tiền lãi 1.000.000 đồng/ tháng của số tiền 80.000.000 đồng, tương đương 15%/năm, tức là 0,125%/tháng).

Thời gian trả tiền chậm nhất là ngày 15 hàng tháng. Khi nào số tiền gốc giảm xuống còn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì tiền lãi hàng tháng bà K chỉ phải trả 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Tức là, từ thời điểm tiền gốc còn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì số tiền hàng tháng cả gốc và lãi bà K phải trả cho ông là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi trả hết tiền nợ gốc.

Sau khi thông nhất phương án trả nợ nói trên thì ông đã rút đơn khởi kiện mà không đề nghị Trung tâm hòa giải đối thoại tỉnh Nghệ An chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

Từ tháng 12/2022 cho đến nay, bà K mới trả được cho ông 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền gốc và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi. Từ tháng 02/2023 đến nay, bà K không những không chịu trả nợ như đã thỏa thuận mà còn có thái độ hống hách, coi thường pháp luật. Tính đến thời điểm hiện nay bà K còn nợ ông số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C có yêu cầu bà K phải trả tiền lãi cho ông theo mức lãi suất mà Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định là 10%/năm tính trên số tiền gốc còn nợ kể từ tháng 02/2023 cho đến khi trả hết nợ, ông tính đến ngày xét xử số tiền lãi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tuy nhiên ông thấy hoàn C bà K hiện khó khăn nên tại phiên tòa ông C chỉ yêu cầu bà K phải trả cho ông số tiền lãi là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Nay ông Nguyễn Quốc C yêu cầu bà Nguyễn Thị K phải trả cho ông C số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) nợ gốc còn lại và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi. Yêu cầu bà K phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ cho ông theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà K thừa nhận bà có vay tiền ông C thành hai đợt (đợt 1 vào ngày 27/11/2021 và đợt 2 vào ngày 04/01/2022) với tổng số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và quá trình trả nợ như ông C trình bày là đúng sự thật. Số tiền nợ gốc hiện nay, bà còn nợ ông C là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Vào ngày 27/11/2021, khi vay tiền ông C, bà K có để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU xxxxxx ngày 28/8/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp cho bà Nguyễn Thị K cho ông C để làm tin. Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thể hiện bà Nguyễn Thị K là chủ sở hữu căn hộ số 24, tầng 11, Nhà chung cư A, diện tích 45m², thuộc dự án Trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp B. Nay bà đồng ý trả nợ cho ông C số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) nợ gốc còn lại và 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi như ông C yêu cầu. Tuy nhiên bà yêu cầu ông C phải trả lại ngay cho bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU xxxxxx ngày 28/8/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp cho bà Nguyễn Thị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên toà hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho ông Nguyễn Quốc C số tiền 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng; Số tiền lãi là 2.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Quốc C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị K có nơi ở hiện nay tại Căn hộ 24, tầng 11, nhà A, chung cư B, khối 2, phường Q, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An phải trả lại số tiền đã vay nên đây là tranh chấp vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu này, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc “Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ” ngày 27/11/2021; Giấy vay tiền lập ngày 04/01/2022 và Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành lập ngày 23/11/2022 tại Trung tâm hòa giải đối thoại tỉnh Nghệ An do bị đơn là bà Nguyễn Thị K xác lập và kí nhận, có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị K có vay của ông Nguyễn Quốc C số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn có mặt và thừa nhận việc vay tiền, quá trình trả nợ cũng như số tiền nợ gốc còn lại đúng như nguyên đơn đã trình bày. Hội đồng xét xử thấy rằng: “Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ” ngày 27/11/2021; Giấy vay tiền lập ngày 04/01/2022 là do chính bà Nguyễn Thị K xác lập và kí nhận. Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải thành lập ngày 23/11/2022 tại Trung tâm hòa giải đối thoại tỉnh Nghệ An là biên bản thỏa thuận xác nhận lại khoản nợ lần cuối cùng giữa ông Nguyễn Quốc C và bà Nguyễn Thị K và hai bên đã thống nhất về thời hạn trả cũng như tiền lãi. Do đó khẳng định bà K vay ông C số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) là có thật. Vì bà K vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng, ông C đã nhiều lần yêu cầu bà K trả nợ nhưng bà K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên ông C có quyền khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; hình thức, nội dung vay tài sản không trái với các quy định của pháp luật nên các thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật với các bên đã giao kết. Bà Nguyễn Thị K là người vay tiền nên có nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa bà K cũng đồng ý trả nợ cho ông C số tiền nợ gốc còn lại là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả nợ số tiền gốc còn lại là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[2.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc C yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả tiền lãi từ tháng 02/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ông với lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, ông C chỉ yêu cầu bà K phải trả số tiền lãi là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bà K cũng đồng ý trả số tiền lãi trên cho ông C. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bà K còn phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán đầy đủ số nợ đã vay là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3]. Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU xxxxxx ngày 28/8/2020 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp cho bà Nguyễn Thị K:

Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 28 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Vinh thụ lý vụ án dân sự theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C về yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số tiền nợ gốc và lãi đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà K, bà K đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và bà K biết được việc ông C đang khởi kiện yêu cầu bà trả nợ nhưng bà K vẫn vắng mặt không có lý do. Ngày 18/8/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất. Tại phiên tòa ngày 06/9/2023, bị đơn bà K vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai vào ngày 22/8/2023. Đến ngày mở phiên tòa, bà K có đơn đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã tiếp tục hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ ba vào ngày 02/10/2023. Tại phiên tòa ngày 02/10/2023, bà K có mặt và yêu cầu ông C trả lại cho bà K Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU xxxxxx ngày 28/8/2020 đứng tên bà Nguyễn Thị K mà bà K đã đưa cho ông C làm tin khi vay tiền. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Như vậy, trong giai đoạn hòa giải và chuẩn bị xét xử bà K đều vắng mặt không có lý do, sau khi phiên tòa được mở lần thứ ba thì bà K mới có mặt và đưa ra yêu cầu trên. Việc bà K đưa ra yêu cầu sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu trên của bà K trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp thì bà K có quyền khởi kiện ông C bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 116, 117, 119, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C.

Buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho ông Nguyễn Quốc C số tiền 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng; Số tiền lãi là 2.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 3.850.000 đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa